

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

MÔN: KINH TẾ VI MÔ

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4.0		6.0	6.0			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	1223240090	Huỳnh Thị Ngọc	Ân	28/09/2003	01KT15A1	10.0	10.0	10.0		7.3		8.4	Đạt
2	1223360245	Lâm Thị Yến	Chi	07/10/2007	01KT15C1	8.5	5.0	6.2		7.5		7.0	Đạt
3	1223360232	Nguyễn Gia	Hân	02/12/2007	01KT15C1	7.0	5.0	5.7		6.3		6.0	Đạt
4	1223360097	Phạm Văn	Huy	27/05/2007	01KT15C1	0.0	0.0	0.0	TBKT			0.0	Học lại
5	1223360118	Nguyễn Tuấn	Khang	07/11/2007	01KT15C1	9.0	7.5	8.0		7.3		7.6	Đạt
6	1223360247	Phan Hoàng Anh	Khoa	10/08/2007	01KT15C1	9.5	7.0	7.8		7.8		7.8	Đạt
7	1223360084	Lê Anh	Kiệt	20/08/2007	01KT15C1	0.0	0.0	0.0	TBKT			0.0	Học lại
8	1223360068	Phan Gia	Linh	05/06/2007	01KT15C1	10.0	10.0	10.0		9.3		9.6	Đạt
9	1223360141	Nguyễn Hữu	Lộc	03/11/2007	01KT15C1	8.5	5.0	6.2		9.5		8.2	Đạt
10	1223360009	Lê Thanh	Long	03/09/2003	01KT15C1	10.0	10.0	10.0		8.5		9.1	Đạt
11	1223240084	Nguyễn Thúy	Nga	06/09/2003	01KT15A1	8.0	6.5	7.0		7.3		7.2	Đạt
12	1223360124	Võ Thu	Ngân	08/01/2007	01KT15C1	0.0	0.0	0.0	TBKT			0.0	Học lại
13	1223240052	Đặng Kim	Ngân	05/06/2003	01KT15A1	8.0	7.5	7.7		5.3		6.2	Đạt
14	1223360227	Phạm Ngọc Tuyết	Ngân	28/02/2007	01KT15C1	7.0	5.0	5.7		6.8		6.3	Đạt

MÔN: KINH TẾ VI MÔ

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4.0		6.0	6.0			
15	1223240088	Lê Nguyễn Ngọc	Ngân	25/04/2004	01KT15A1	9.5	8.0	8.5		7.0		7.6	Đạt
16	1223360115	Trương Nguyệt	Nhi	19/03/2007	01KT15C1	6.0	3.0	4.0	TBKT			1.6	Học lại
17	1223360042	Mai Thanh	Nhật	12/12/2006	01KT15C1	0.0	0.0	0.0	TBKT			0.0	Học lại
18	1223240092	Nguyễn Triệu Y	Phụng	01/06/2000	01KT15A1	7.0	7.5	7.3		5.5		6.2	Đạt
19	1223360057	Cao Kim	Phụng	27/04/2007	01KT15C1	5.0	3.0	3.7	TBKT			1.5	Học lại
20	1223360183	Phan Thị Trúc	Phuong	22/06/2007	01KT15C1	7.0	5.5	6.0		6.5		6.3	Đạt
21	1223360167	Phạm Hồng	Thắm	14/05/2007	01KT15C1	0.0	0.0	0.0	TBKT			0.0	Học lại
22	1223360195	Trịnh Thị	Thư	11/08/2007	01KT15C1	7.5	5.5	6.2		7.3		6.8	Đạt
23	1223240039	Trần Thị Thanh	Thúy	12/01/1998	01KT15A1	6.5	7.5	7.2		8.0		7.7	Đạt
24	2223240060	Đoàn Ngọc	Trâm	07/03/2002	01KT15A1	3.0	2.0	2.3	TBKT			0.9	Học lại
25	1223360121	Trần Thị Thu	Trâm	01/03/2007	01KT15C1	8.5	7.0	7.5		4.3		5.6	Đạt
26	1223360269	Võ Thị Uyên	Trang	06/10/2007	01KT15C1	8.0	5.5	6.3		8.3		7.5	Đạt
27	1223360034	Nguyễn Thị Mộng	Tuyền	01/09/2007	01KT15C1	0.0	0.0	0.0	TBKT			0.0	Học lại
28	1223360114	Nguyễn Đặng Mộng	Tuyền	28/10/2007	01KT15C1	7.5	5.5	6.2		7.8		7.1	Đạt
29	1223360046	Hứa Vĩ	Văn	07/12/2007	01KT15C1	0.0	0.0	0.0	TBKT			0.0	Học lại
30	1223360169	Nguyễn Thị Tường	Vy	03/07/2007	01KT15C1	0.0	0.0	0.0	TBKT			0.0	Học lại
31	1223360095	Nguyễn Thị Yến	Vy	06/06/2007	01KT15C1	0.0	0.0	0.0	TBKT			0.0	Học lại

MÔN: KINH TẾ VI MÔ

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
								4.0		6.0	6.0		
69	2223360289	Ngô Lý Mỹ	Anh	26/08/1993	02KT15D1			0.0	TBKT			0.0	Học lại
70	2223240134	Nguyễn Thị Mỹ	Châu	01/01/1995	02KT15B1	8.0	6.0	6.7		8.5		7.8	Đạt
71	2223240166	Huỳnh Thị Thùy	Châu	02/09/2000	02KT15B1	7.5	9.0	8.5		9.0		8.8	Đạt
72	2223240046	Nguyễn Minh	Chiến	10/02/1998	02KT15B1	7.5	9.0	8.5		8.5		8.5	Đạt
73	2223240109	Lê Thị Thùy	Dung	21/03/2000	02KT15B1	5.0	8.5	7.3		7.5		7.4	Đạt
74	2223240183	Đỗ Ngọc Thùy	Dương	17/04/2000	02KT15B1	7.5	7.5	7.5		9.0		8.4	Đạt
75	2223180084	Nguyễn Thụy Phương	Hằng	19/06/1996	02KT15B1	8.0	8.5	8.3		8.5		8.4	Đạt
76	2223180083	Trương Thị Lệ	Hiền	19/07/1990	02KT15B1	7.0	10.0	9.0		8.5		8.7	Đạt
77	2223240031	Thái Lê Lý Mỹ	Hoàng	16/09/2000	02KT15B1	8.0	10.0	9.3		8.5		8.8	Đạt
78	2223360021	Hoàng Quốc	Huy	14/03/1994	02KT15D1	7.0	5.0	5.7		7.0		6.5	Đạt
79	2223240258	Phạm Thị Ngọc	Huyền	22/03/2001	02KT15B1	9.0	10.0	9.7		8.5		9.0	Đạt
80	2223240247	Trần Thu	Mi	24/06/1999	02KT15B1	7.0	9.0	8.3		8.5		8.4	Đạt
81	2223240268	Đỗ Hải	My	08/11/2002	02KT15B1	7.5	7.5	7.5		9.0		8.4	Đạt
82	2223240269	Nguyễn Ngọc	Ngân	04/06/2000	02KT15B1	7.0	8.5	8.0		8.0		8.0	Đạt
83	2223360069	Phạm Thảo	Nhi	09/07/1996	02KT15D1	9.0	8.5	8.7		9.0		8.9	Đạt
84	2223240055	Nguyễn Thành	Phát	27/06/2000	02KT15B1	8.0	8.5	8.3		7.5		7.8	Đạt
85	2223240150	Vũ Thị	Thắm	09/10/1982	02KT15B1	7.0	5.0	5.7		9.0		7.7	Đạt

MÔN: KINH TẾ VI MÔ

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
								4.0		6.0	6.0		
86	2223240175	Nguyễn Thị Trúc	Thanh	08/05/2004	02KT15B1	7.0	5.0	5.7		9.0		7.7	Đạt
87	2223360425	Huỳnh Thị Thanh	Thảo	20/09/1997	02KT15D1			0.0	TBKT			0.0	Học lại
88	2223240172	Đặng Thị Phương	Thảo	04/04/1991	02KT15B1	7.5	7.5	7.5		8.5		8.1	Đạt
89	2223240156	Võ Anh	Thư	10/04/2001	02KT15B1			0.0	TBKT			0.0	Học lại
90	2223360602	Võ Trần Minh	Thùy	19/02/1997	02KT15D1	7.0	8.0	7.7		8.5		8.2	Đạt
91	1223360071	Nguyễn Đức	Toàn	11/03/2004	02KT15D1	8.5	5.0	6.2		5.0		5.5	Đạt
92	2223180007	Phạm Thị Kiều	Trang	05/01/1998	02KT15B1	7.5	8.5	8.2		9.0		8.7	Đạt
93	2223360034	Hoàng Thị Thùy	Trang	23/08/2005	02KT15D1	8.0	8.5	8.3		8.5		8.4	Đạt
94	2223240128	Đào Đạt	Tuấn	08/04/1998	02KT15B1	8.0	8.0	8.0		9.0		8.6	Đạt
95	2223360015	Nguyễn Thu Thanh	Tuyền	08/07/2001	02KT15D1			0.0	TBKT			0.0	Học lại
96	1223240037	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	10/09/1995	02KT15E1	10.0	10.0	10.0		8.5		9.1	Đạt
97	3223240037	Nguyễn Thị Vân	Anh	20/10/1997	02KT15E1	10.0	10.0	10.0		8.8		9.3	Đạt
98	3223180001	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	17/04/1998	02KT15E1	0.0	0.0	0.0	TBKT			0.0	Học lại
99	3223180003	Trần Hoài	Bắc	21/08/1989	02KT15E1	0.0	0.0	0.0	TBKT			0.0	Học lại
100	1223240021	Phạm Thị Ngọc	Châu	03/04/2001	02KT15E1	7.0	7.0	7.0				2.8	Thi lại
101	3223180013	Huỳnh Ngọc Bảo	Châu	17/08/1998	02KT15E1	10.0	9.0	9.3		7.5		8.2	Đạt
102	3223180012	Lương Thị Mỹ	Chi	01/06/1996	02KT15E1	0.0	0.0	0.0	TBKT			0.0	Học lại

MÔN: KINH TẾ VI MÔ

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
								4.0					
103	3223180002	Mang Thị Thùy	Dương	01/01/1992	02KT15E1	10.0	10.0	10.0		9.5		9.7	Đạt
104	1223360031	Lê Vũ Thùy	Dương	20/11/1999	02KT15E1	7.5	8.0	7.8		8.8		8.4	Đạt
105	1223240013	Nguyễn Thị Trúc	Giang	03/07/2003	02KT15E1	10.0	9.2	9.5		8.8		9.1	Đạt
106	3223180008	Nguyễn Thị Ngọc	Hạnh	08/10/1986	02KT15E1	10.0	10.0	10.0		8.8		9.3	Đạt
107	1223240032	Trương Mạnh	Khương	14/07/1997	02KT15E1	10.0	9.5	9.7		6.3		7.6	Đạt
108	1223240011	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	10/12/1997	02KT15E1	1.3	0.9	1.0	TBKT			0.4	Học lại
109	1223360243	Trần Thị	Ngân	16/05/2003	02KT15E1	10.0	10.0	10.0		6.5		7.9	Đạt
110	3223180014	Thường Thị Mỹ	Nghiệp	14/03/1980	02KT15E1	10.0	9.5	9.7		8.8		9.1	Đạt
111	3223180018	Bùi Thị Minh	Ngọc	09/02/1982	02KT15E1	7.5	7.0	7.2		7.8		7.5	Đạt
112	3223180016	Huỳnh Minh	Nhật	08/01/1997	02KT15E1	0.0	0.0	0.0	TBKT			0.0	Học lại
113	1223240046	Trần Thị Hồng	Nhi	29/10/1998	02KT15E1	10.0	9.0	9.3		8.3		8.7	Đạt
114	1223240001	Nguyễn Minh	Nhật	21/4/2001	02KT15E1	2.5	1.8	2.0	TBKT			0.8	Học lại
115	1223180029	Lê Thị Kiều	Oanh	30/09/1997	02KT15E1	0.0	0.0	0.0	TBKT			0.0	Học lại
116	3223180004	Trần Huỳnh Lan	Phuong	27/05/1995	02KT15E1	8.8	9.1	9.0		9.3		9.2	Đạt
117	1223180022	Uông Mạnh	Quân	12/10/1991	02KT15E1	9.5	9.5	9.5		8.3		8.8	Đạt
118	1223360287	Đỗ Nguyễn Thị Kim	Tiền	14/08/1999	02KT15E1	10.0	9.1	9.4		5.8		7.2	Đạt
119	1223360001	Nguyễn Trung	Tín	26/02/2001	02KT15E1	0.0	0.0	0.0	TBKT			0.0	Học lại

MÔN: KINH TẾ VI MÔ

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
							4.0		6.0	6.0		
120	3223180006	Phạm Thị Thao	14/02/1987	02KT15E1	10.0	10.0	10.0		7.0		8.2	Đạt
121	3223180011	Trần Thị Thanh	27/02/1987	02KT15E1	0.0	0.0	0.0	TBKT			0.0	Học lại
122	1223240067	Nguyễn Thị Phương	05/10/1999	02KT15E1	10.0	10.0	10.0		8.0		8.8	Đạt
123	1223360017	Lê Thị Kim	26/03/2001	02KT15E1	9.0	8.5	8.7		8.3		8.4	Đạt
124	3223180007	Phạm Thị Bích	31/07/1994	02KT15E1	0.0	0.0	0.0	TBKT			0.0	Học lại
125	3223180005	Nguyễn Thị Thanh	24/05/1989	02KT15E1	1.3	0.9	1.0	TBKT			0.4	Học lại
126	1223240083	Phạm Thị Mai	11/07/2003	02KT15E1	2.5	1.8	2.0	TBKT			0.8	Học lại
127	3223180021	Nguyễn Tú	15/02/1982	02KT15E1	10.0	10.0	10.0		9.3		9.6	Đạt
128	1223240043	Trương Thị Thanh	26/07/1999	02KT15E1	8.8	8.0	8.3		9.5		9.0	Đạt
129	3223180009	Thái Mỹ	25/06/1976	02KT15E1	9.5	9.5	9.5				3.8	Thi lại
130	3223180010	Thái Thị Thanh	26/03/1987	02KT15E1	0.0	0.0	0.0	TBKT			0.0	Học lại

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

MÔN: LÝ THUYẾT TÀI CHÍNH TIỀN TỆ

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4.0		6.0	6.0			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
131	3223240024	Ngô Tú	Anh	23/11/1996	02KT15E2	9.0	8.5	8.7		9.8		9.3	Đạt
132	2223240193	Nguyễn Thị Vân	Anh	18/04/1999	02KT15E2	5.5	5.0	5.2		5.5		5.4	Đạt
133	3223240009	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	13/08/2001	02KT15E2	9.0	6.0	7.0		8.5		7.9	Đạt
134	3223240007	Đặng Trần Thi	Ca	20/02/1997	02KT15E2	5.0	0.0	1.7	TBKT	0.0		0.7	Học lại
135	3223240029	Trần Thị Hoài	Châm	13/06/1994	02KT15E2	9.0	7.0	7.7		8.8		8.3	Đạt
136	2223240138	Trần Tuấn	Dương	11/08/1995	02KT15E2	0.0	0.0	0.0	TBKT	0.0		0.0	Học lại
137	3223240004	Nguyễn Thị Anh	Đào	18/01/1995	02KT15E2	10.0	9.0	9.3		9.8		9.6	Đạt
138	3223240021	Phan Thị	Đô	02/09/1990	02KT15E2	7.0	5.5	6.0		9.0		7.8	Đạt
139	3223240013	Huỳnh Thị Trúc	Hà	18/01/1996	02KT15E2	7.0	5.0	5.7		0.0		2.3	Thi lại
140	2223240137	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	09/04/1996	02KT15E2	8.0	7.0	7.3		5.8		6.4	Đạt
141	3223240018	Ngô Thái	Hòa	19/08/1998	02KT15E2	8.0	5.5	6.3		8.5		7.6	Đạt
142	3223240002	Phạm Thị Kim	Hồ	20/10/1994	02KT15E2	7.0	9.0	8.3		7.8		8.0	Đạt
143	3223240034	Nguyễn Thị Cẩm	Hồng	08/11/1997	02KT15E2	8.0	9.5	9.0		8.5		8.7	Đạt
144	3223240031	Nguyễn Thị Thu	Hương	13/01/1994	02KT15E2	8.0	7.5	7.7		7.8		7.7	Đạt

MÔN: LÝ THUYẾT TÀI CHÍNH TIỀN TỆ

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
							4.0		6.0	6.0		
145	3223240033	Nguyễn Xuân Lai	15/08/1995	02KT15E2	8.0	5.5	6.3		8.3		7.5	Đạt
146	3223180020	Nguyễn Thị Lan	11/01/1985	02KT15E2	7.0	6.5	6.7		8.3		7.6	Đạt
147	1223240017	Phan Thị Thùy Linh	26/08/1997	02KT15E2	10.0	8.0	8.7		8.5		8.6	Đạt
148	3223240030	Nguyễn Thùy Linh	25/12/1996	02KT15E2	8.0	7.0	7.3		8.3		7.9	Đạt
149	3223240019	Đào Đức Lợi	10/01/1998	02KT15E2	8.0	8.5	8.3		9.0		8.7	Đạt
150	3223240010	Đoàn Nhất Nương	29/12/1992	02KT15E2	9.0	9.0	9.0		7.8		8.3	Đạt
151	3223240032	Nguyễn Thị Hồng Nga	15/08/2001	02KT15E2	8.0	9.0	8.7		9.5		9.2	Đạt
152	3223240008	Lương Thiêm Phát	19/04/1998	02KT15E2	8.0	8.5	8.3		8.8		8.6	Đạt
153	3223240023	Nguyễn Hoàng Phúc	08/04/2001	02KT15E2	9.0	8.5	8.7		9.0		8.9	Đạt
154	3223240036	Phạm Hữu Phúc	12/07/2000	02KT15E2	0.0	0.0	0.0	TBKT	0.0		0.0	Học lại
155	3223180019	Nguyễn Thị Kim Phượng	10/07/1991	02KT15E2	7.0	7.5	7.3		8.0		7.7	Đạt
156	3223240006	Võ Thị Kim Quỳnh	12/07/1996	02KT15E2	0.0	0.0	0.0	TBKT	0.0		0.0	Học lại
157	2223240241	Ngô Thị Sinh	17/04/1996	02KT15E2	8.5	8.0	8.2		8.3		8.2	Đạt
158	1223240009	Lê Thị Cẩm Tú	22/01/2000	02KT15E2	7.0	6.5	6.7		8.3		7.6	Đạt
159	3223240011	Nguyễn Thị Cẩm Tú	07/03/2001	02KT15E2	9.0	8.0	8.3		8.0		8.1	Đạt
160	3223240016	Nguyễn Thị Cẩm Tú	30/08/1990	02KT15E2	9.0	8.0	8.3		9.0		8.7	Đạt
161	3223240035	Nguyễn Chí Thanh	27/10/2001	02KT15E2	5.0	0.0	1.7	TBKT	0.0		0.7	Học lại

MÔN: LÝ THUYẾT TÀI CHÍNH TIỀN TỆ

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
								4.0		6.0	6.0		
162	3223240015	Hồ Thị Xuân	Thảo	16/06/1999	02KT15E2	9.0	8.5	8.7		8.8		8.7	Đạt
163	3223240017	Nguyễn Thị Diễm	Thuý	17/12/1998	02KT15E2	9.0	9.5	9.3		9.0		9.1	Đạt
164	3223240005	Nguyễn Thị Huyền	Trâm	09/04/2000	02KT15E2	8.0	7.0	7.3		8.5		8.0	Đạt
165	2223240110	Lê Đỗ Hoàng Bảo	Trâm	12/02/1997	02KT15E2	7.5	8.0	7.8		9.0		8.5	Đạt
166	3223240028	Đặng Thị Ngọc	Trâm	24/02/1998	02KT15E2	10.0	9.5	9.7		9.8		9.7	Đạt
167	3223240025	Nguyễn Thành	Trung	26/08/1990	02KT15E2	8.0	8.5	8.3		8.8		8.6	Đạt
168	3223240026	Trần Văn	Vui	18/06/1984	02KT15E2	5.5	0.0	1.8	TBKT	0.0		0.7	Học lại
169	3223240027	Nguyễn Thị Hải	Yến	05/05/2001	02KT15E2	8.0	5.5	6.3		0.0		2.5	Thi lại

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN

PHÒNG ĐÀO TẠO

MÔN: MARKETING CĂN BẢN

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4.0		6.0	6.0			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
69	2223360289	Ngô Lý Mỹ	Anh	26/08/1993	02KT15D1	0.0	0.0	0.0	TBKT			0.0	Học lại
70	2223240134	Nguyễn Thị Mỹ	Châu	01/01/1995	02KT15B1	6.0	7.5	7.0		8.8		8.1	Đạt
71	2223240166	Huỳnh Thị Thùy	Châu	02/09/2000	02KT15B1	10.0	8.0	8.7		8.3		8.4	Đạt
72	2223240046	Nguyễn Minh	Chiến	10/02/1998	02KT15B1	10.0	8.0	8.7		9.0		8.9	Đạt
73	2223240109	Lê Thị Thùy	Dung	21/03/2000	02KT15B1	9.0	7.5	8.0		7.0		7.4	Đạt
74	2223240183	Đỗ Ngọc Thùy	Dương	17/04/2000	02KT15B1	9.0	8.0	8.3		9.3		8.9	Đạt
75	2223180084	Nguyễn Thụy Phương	Hằng	19/06/1996	02KT15B1	9.0	7.5	8.0		8.0		8.0	Đạt
76	2223180083	Trương Thị Lệ	Hiền	19/07/1990	02KT15B1	10.0	8.5	9.0		9.3		9.2	Đạt
77	2223240031	Thái Lê Lý Mỹ	Hoàng	16/09/2000	02KT15B1	10.0	8.0	8.7		8.5		8.6	Đạt
78	2223360021	Hoàng Quốc	Huy	14/03/1994	02KT15D1	9.0	7.5	8.0		7.0		7.4	Đạt
79	2223240258	Phạm Thị Ngọc	Huyền	22/03/2001	02KT15B1	10.0	8.0	8.7		8.3		8.4	Đạt
80	2223240247	Trần Thu	Mi	24/06/1999	02KT15B1	10.0	7.5	8.3		7.8		8.0	Đạt
82	2223240269	Nguyễn Ngọc	Ngân	04/06/2000	02KT15B1	9.0	8.0	8.3		8.3		8.3	Đạt
83	2223360069	Phạm Thảo	Nhi	09/07/1996	02KT15D1	8.0	9.0	8.7		8.3		8.4	Đạt

MÔN: MARKETING CĂN BẢN

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4.0		6.0	6.0			
84	2223240055	Nguyễn Thành	Phát	27/06/2000	02KT15B1	10.0	8.0	8.7		8.3		8.4	Đạt
85	2223240150	Vũ Thị	Thắm	09/10/1982	02KT15B1	9.0	8.0	8.3		7.5		7.8	Đạt
86	2223240175	Nguyễn Thị Trúc	Thanh	08/05/2004	02KT15B1	8.0	8.0	8.0		7.8		7.9	Đạt
87	2223360425	Huỳnh Thị Thanh	Thảo	20/09/1997	02KT15D1	0.0	0.0	0.0	TBKT			0.0	Học lại
88	2223240172	Đặng Thị Phương	Thảo	04/04/1991	02KT15B1	10.0	8.0	8.7		8.5		8.6	Đạt
89	2223240156	Võ Anh	Thư	10/04/2001	02KT15B1	2.0	0.0	0.7	TBKT			0.3	Học lại
90	2223360602	Võ Trần Minh	Thùy	19/02/1997	02KT15D1	9.0	7.5	8.0		9.3		8.8	Đạt
91	1223360071	Nguyễn Đức	Toàn	11/03/2004	02KT15D1	7.0	5.0	5.7		8.8		7.5	Đạt
92	2223180007	Phạm Thị Kiều	Trang	05/01/1998	02KT15B1	0.0	0.0	0.0	TBKT			0.0	Học lại
93	2223360034	Hoàng Thị Thùy	Trang	23/08/2005	02KT15D1	9.0	8.0	8.3		7.0		7.5	Đạt
94	2223240128	Đào Đạt	Tuấn	08/04/1998	02KT15B1	10.0	7.5	8.3		8.0		8.1	Đạt
95	2223360015	Nguyễn Thu Thanh	Tuyền	08/07/2001	02KT15D1	0.0	0.0	0.0	TBKT			0.0	Học lại

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

MÔN: NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4.0		6.0	6.0			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	1223240090	Huỳnh Thị Ngọc	Ân	28/09/2003	01KT15A1	9.0	10.0	9.7		10.0		9.9	Đạt
2	1223360245	Lâm Thị Yến	Chi	07/10/2007	01KT15C1	7.0	7.0	7.0		10.0		8.8	Đạt
3	1223360232	Nguyễn Gia	Hân	02/12/2007	01KT15C1	5.0	6.0	5.7		10.0		8.3	Đạt
4	1223360097	Phạm Văn	Huy	27/05/2007	01KT15C1			0.0	TBKT			0.0	Học lại
5	1223360118	Nguyễn Tuấn	Khang	07/11/2007	01KT15C1	7.0	7.0	7.0		10.0		8.8	Đạt
6	1223360247	Phan Hoàng Anh	Khoa	10/08/2007	01KT15C1	8.0	9.0	8.7		10.0		9.5	Đạt
7	1223360084	Lê Anh	Kiệt	20/08/2007	01KT15C1			0.0	TBKT			0.0	Học lại
8	1223360068	Phan Gia	Linh	05/06/2007	01KT15C1	9.0	9.0	9.0		10.0		9.6	Đạt
9	1223360141	Nguyễn Hữu	Lộc	03/11/2007	01KT15C1	6.0	6.0	6.0		9.0		7.8	Đạt
10	1223360009	Lê Thanh	Long	03/09/2003	01KT15C1	10.0	10.0	10.0		10.0		10.0	Đạt
11	1223240084	Nguyễn Thúy	Nga	06/09/2003	01KT15A1	6.0	7.0	6.7		10.0		8.7	Đạt
12	1223360124	Võ Thu	Ngân	08/01/2007	01KT15C1	6.0	6.0	6.0		10.0		8.4	Đạt
13	1223240052	Đặng Kim	Ngân	05/06/2003	01KT15A1	6.0	6.0	6.0		9.0		7.8	Đạt
14	1223360227	Phạm Ngọc Tuyết	Ngân	28/02/2007	01KT15C1	7.0	7.0	7.0		10.0		8.8	Đạt

MÔN: NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4.0		6.0	6.0			
15	1223240088	Lê Nguyễn Ngọc	Ngân	25/04/2004	01KT15A1	8.0	8.0	8.0		10.0		9.2	Đạt
16	1223360115	Trương Nguyệt	Nhi	19/03/2007	01KT15C1	6.0	6.0	6.0		2.0		3.6	Thi lại
17	1223360042	Mai Thanh	Nhật	12/12/2006	01KT15C1			0.0	TBKT			0.0	Học lại
18	1223240092	Nguyễn Triệu Y	Phụng	01/06/2000	01KT15A1	9.0	9.0	9.0		8.0		8.4	Đạt
19	1223360057	Cao Kim	Phụng	27/04/2007	01KT15C1			0.0	TBKT			0.0	Học lại
20	1223360183	Phan Thị Trúc	Phuong	22/06/2007	01KT15C1	6.0	7.0	6.7		1.0		3.3	Thi lại
21	1223360167	Phạm Hồng	Thắm	14/05/2007	01KT15C1			0.0	TBKT			0.0	Học lại
22	1223360195	Trịnh Thị	Thư	11/08/2007	01KT15C1	5.0	6.0	5.7		3.0		4.1	Đạt
23	1223240039	Trần Thị Thanh	Thúy	12/01/1998	01KT15A1	7.0	7.0	7.0		10.0		8.8	Đạt
24	2223240060	Đoàn Ngọc	Trâm	07/03/2002	01KT15A1	5.0	6.0	5.7		7.0		6.5	Đạt
25	1223360121	Trần Thị Thu	Trâm	01/03/2007	01KT15C1	7.0	7.0	7.0		10.0		8.8	Đạt
26	1223360269	Võ Thị Uyên	Trang	06/10/2007	01KT15C1	7.0	7.0	7.0		9.5		8.5	Đạt
27	1223360034	Nguyễn Thị Mộng	Tuyền	01/09/2007	01KT15C1			0.0	TBKT			0.0	Học lại
28	1223360114	Nguyễn Đặng Mộng	Tuyền	28/10/2007	01KT15C1	5.0	6.0	5.7		5.0		5.3	Đạt
29	1223360046	Hứa Vĩ	Văn	07/12/2007	01KT15C1			0.0	TBKT			0.0	Học lại
30	1223360169	Nguyễn Thị Tường	Vy	03/07/2007	01KT15C1	6.0	7.0	6.7		1.0		3.3	Thi lại
31	1223360095	Nguyễn Thị Yến	Vy	06/06/2007	01KT15C1	6.0	7.0	6.7				2.7	Thi lại

MÔN: NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4.0		6.0	6.0			
1	2223360443	Nguyễn Thị Vân	Anh	29/09/2007	02KT15C1	10.0	8.5	9.0		7.3		8.0	Đạt
2	2223240184	Trần Thị Ngọc	Ánh	04/07/2002	02KT15A1	7.2	5.7	6.2		7.5		7.0	Đạt
3	2223360337	Nguyễn Việt Thành	Công	20/10/2007	02KT15C1	10.0	8.0	8.7		7.5		8.0	Đạt
4	3223240022	Trần Thị Hồng	Cúc	10/02/1998	02KT15A1	10.0	10.0	10.0		9.3		9.6	Đạt
5	2223360585	Phan Huỳnh Mỹ	Hạnh	15/05/2007	02KT15C1	10.0	7.5	8.3		8.0		8.1	Đạt
6	2223360490	Phạm Thị Ngọc	Hân	05/09/2007	02KT15C1	10.0	8.0	8.7		7.3		7.8	Đạt
7	2223360283	Trần Như Châu Thanh	Hòa	16/04/2007	02KT15C1	7.8	5.9	6.5		7.3		7.0	Đạt
8	2223360094	Nguyễn Võ Minh	Huy	19/10/2001	02KT15C1	8.9	8.4	8.6		7.3		7.8	Đạt
9	2223360584	Thái	Kiệt	09/04/2004	02KT15C1	10.0	10.0	10.0		8.8		9.3	Đạt
10	2223240290	Đỗ Duy	Khang	24/03/2003	02KT15C1	0.0	0.0	0.0	TBKT	0.0		0.0	Học lại
11	2223360098	Lương Thùy Mỹ	Khánh	03/09/2004	02KT15C1	8.8	6.1	7.0		7.3		7.2	Đạt
12	2223360061	Nguyễn Hoàng Đăng	Khoa	04/02/2003	02KT15C1	8.9	6.9	7.6		8.8		8.3	Đạt
13	2223360323	Phạm Ngọc Thanh	Loan	19/08/2007	02KT15C1	10.0	7.3	8.2		8.3		8.3	Đạt
14	2223360149	Thiệu Thanh	Mỹ	16/10/2007	02KT15C1	8.2	6.2	6.9		6.8		6.8	Đạt
15	2223360385	Nguyễn Thị Kim	Ngân	16/01/2007	02KT15C1	10.0	7.0	8.0		8.0		8.0	Đạt
16	2223240145	Phạm Tấn	Nhất	11/05/1996	02KT15A1	0.0	0.0	0.0	TBKT	0.0		0.0	Học lại
17	2223360153	Nguyễn Thị Yến	Như	20/07/2007	02KT15C1	10.0	7.3	8.2		8.0		8.1	Đạt

MÔN: NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
							4.0		6.0	6.0		
18	2223360344	Trần Ngọc Như	16/11/2007	02KT15C1	10.0	7.0	8.0		8.5		8.3	Đạt
19	2223360359	Võ Ngọc Phi Phụng	15/01/2007	02KT15C1	5.7	5.0	5.2		6.3		5.9	Đạt
20	2223360332	Nguyễn Thị Hồng Phương	08/07/2007	02KT15C1	10.0	8.5	9.0		8.3		8.6	Đạt
21	2223360534	Nguyễn Hoàng Tiểu Phương	27/06/2006	02KT15C1	8.3	6.2	6.9		6.3		6.5	Đạt
22	2223360587	Nguyễn Ngọc Mỹ Phương	04/10/2003	02KT15C1	10.0	9.5	9.7		7.5		8.4	Đạt
23	2223360542	Huỳnh Ngọc Minh Quân	13/08/2005	02KT15C1	8.9	7.2	7.8		6.3		6.9	Đạt
24	2223240157	Đào Trung Tín	09/12/2002	02KT15A1	10.0	10.0	10.0		10.0		10.0	Đạt
25	2223360538	Đinh Thị Cẩm Tú	03/06/2006	02KT15C1	9.7	7.8	8.4		6.5		7.3	Đạt
26	2223240230	Trần Thị Ngọc Tuyền	18/01/2004	02KT15A1	10.0	7.5	8.3		8.5		8.4	Đạt
27	2223240252	Đặng Tấn Thành	22/11/2004	02KT15A1	10.0	8.0	8.7		7.8		8.1	Đạt
28	2223360418	Hoàng Ngọc Anh Thi	21/07/2007	02KT15C1	9.7	7.0	7.9		0.0		3.2	Thi lại
29	2223360524	Trần Minh Thu	21/08/2004	02KT15C1	9.9	10.0	10.0		7.0		8.2	Đạt
30	2223360355	Nguyễn Ngọc Minh Thư	25/04/2007	02KT15C1	8.9	7.4	7.9		7.3		7.5	Đạt
31	2223360165	Võ Mai Trang	25/09/2007	02KT15C1	8.9	7.7	8.1		7.8		7.9	Đạt
32	2223360040	Nguyễn Ngọc Phương Trâm	02/03/2002	02KT15C1	5.6	5.0	5.2		0.0		2.1	Thi lại
33	2223240231	Phan Ngọc Trâm	09/01/2004	02KT15A1	10.0	7.5	8.3		8.0		8.1	Đạt
34	2223360233	Nguyễn Ngọc Phương Uyên	19/07/2007	02KT15C1	10.0	8.0	8.7				3.5	Thi lại

MÔN: NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4.0		6.0	6.0			
35	2223360420	Đào Thị Mỹ	Uyên	17/02/2007	02KT15C1	10.0	7.0	8.0		6.8		7.3	Đạt
36	2223240285	Trương Tường	Vi	13/04/2004	02KT15A1	0.0	0.0	0.0	TBKT	0.0		0.0	Học lại
37	2223360201	Bùi Ngọc Vân	Vy	17/03/2007	02KT15C1	8.9	6.2	7.1		7.3		7.2	Đạt
96	1223240037	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	10/09/1995	02KT15E1	10.0	6.0	7.3		7.8		7.6	Đạt
97	3223240037	Nguyễn Thị Vân	Anh	20/10/1997	02KT15E1	10.0	7.5	8.3		9.0		8.7	Đạt
98	3223180001	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	17/04/1998	02KT15E1	0.0	0.0	0.0	TBKT			0.0	Học lại
99	3223180003	Trần Hoài	Bắc	21/08/1989	02KT15E1	0.0	0.0	0.0	TBKT			0.0	Học lại
100	1223240021	Phạm Thị Ngọc	Châu	03/04/2001	02KT15E1	9.0	6.5	7.3				2.9	Thi lại
101	3223180013	Huỳnh Ngọc Bảo	Châu	17/08/1998	02KT15E1	9.0	8.0	8.3				3.3	Thi lại
102	3223180012	Lương Thị Mỹ	Chi	01/06/1996	02KT15E1	0.0	0.0	0.0	TBKT			0.0	Học lại
103	3223180002	Mang Thị Thùy	Dương	01/01/1992	02KT15E1	9.0	8.0	8.3		7.8		8.0	Đạt
104	1223360031	Lê Vũ Thùy	Dương	20/11/1999	02KT15E1	9.0	8.0	8.3		6.8		7.4	Đạt
105	1223240013	Nguyễn Thị Trúc	Giang	03/07/2003	02KT15E1	9.0	8.5	8.7		8.5		8.6	Đạt
106	3223180008	Nguyễn Thị Ngọc	Hạnh	08/10/1986	02KT15E1	10.0	8.5	9.0				3.6	Thi lại
107	1223240032	Trương Mạnh	Khương	14/07/1997	02KT15E1	9.0	7.5	8.0				3.2	Thi lại
108	1223240011	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	10/12/1997	02KT15E1	0.0	0.0	0.0	TBKT			0.0	Học lại
109	1223360243	Trần Thị	Ngân	16/05/2003	02KT15E1	10.0	6.5	7.7		6.8		7.1	Đạt

MÔN: NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4.0		6.0	6.0			
110	3223180014	Thường Thị Mỹ	Nghiệp	14/03/1980	02KT15E1	10.0	9.0	9.3		8.5		8.8	Đạt
111	3223180018	Bùi Thị Minh	Ngọc	09/02/1982	02KT15E1	8.0	6.5	7.0		6.5		6.7	Đạt
112	3223180016	Huỳnh Minh	Nhật	08/01/1997	02KT15E1	0.0	0.0	0.0	TBKT			0.0	Học lại
113	1223240046	Trần Thị Hồng	Nhi	29/10/1998	02KT15E1	9.0	6.5	7.3		7.8		7.6	Đạt
114	1223240001	Nguyễn Minh	Nhựt	21/4/2001	02KT15E1	0.0	0.0	0.0	TBKT			0.0	Học lại
115	1223180029	Lê Thị Kiều	Oanh	30/09/1997	02KT15E1	0.0	0.0	0.0	TBKT			0.0	Học lại
116	3223180004	Trần Huỳnh Lan	Phuong	27/05/1995	02KT15E1	10.0	7.0	8.0				3.2	Thi lại
117	1223180022	Uông Mạnh	Quân	12/10/1991	02KT15E1	9.0	8.5	8.7		8.3		8.4	Đạt
118	1223360287	Đỗ Nguyễn Thị Kim	Tiền	14/08/1999	02KT15E1	8.0	7.5	7.7		7.3		7.4	Đạt
119	1223360001	Nguyễn Trung	Tín	26/02/2001	02KT15E1	0.0	0.0	0.0	TBKT			0.0	Học lại
120	3223180006	Phạm Thị	Thao	14/02/1987	02KT15E1	9.0	6.5	7.3		7.5		7.4	Đạt
121	3223180011	Trần Thị Thanh	Thảo	27/02/1987	02KT15E1	0.0	0.0	0.0	TBKT			0.0	Học lại
122	1223240067	Nguyễn Thị Phương	Thảo	05/10/1999	02KT15E1	10.0	9.5	9.7		9.0		9.3	Đạt
123	1223360017	Lê Thị Kim	Thoa	26/03/2001	02KT15E1	9.0	8.0	8.3		8.0		8.1	Đạt
124	3223180007	Phạm Thị Bích	Thuận	31/07/1994	02KT15E1	10.0	10.0	10.0		9.0		9.4	Đạt
125	3223180005	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	24/05/1989	02KT15E1	0.0	0.0	0.0	TBKT			0.0	Học lại
126	1223240083	Phạm Thị Mai	Trâm	11/07/2003	02KT15E1	0.0	0.0	0.0	TBKT			0.0	Học lại

MÔN: NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4.0		6.0	6.0			
127	3223180021	Nguyễn Tú	Trình	15/02/1982	02KT15E1	10.0	9.0	9.3		8.8		9.0	Đạt
128	1223240043	Trương Thị Thanh	Trúc	26/07/1999	02KT15E1	9.0	7.5	8.0		7.8		7.9	Đạt
129	3223180009	Thái Mỹ	Vân	25/06/1976	02KT15E1	9.0	8.5	8.7		7.3		7.8	Đạt
130	3223180010	Thái Thị Thanh	Vân	26/03/1987	02KT15E1	0.0	0.0	0.0	TBKT			0.0	Học lại